

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **110/2023/HS-PT**

Ngày: 31 - 3 - 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa.

*Các Thẩm phán:*

Bà Lê Hồng Hương;

Bà Đinh Thị Kiều Lương .

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:***  
Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 445/2022/TLPT-HS, ngày 24 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trịnh Quang T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 475/2022/HS-ST, ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

**1. Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1993 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Tổ 36, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975; Có vợ là chị Võ Thị C, sinh năm 1999, có 02 con sinh năm 2018 và 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và chuyển tạm giam đến ngày 12 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát hủy bỏ biện pháp tạm giam. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 982/QĐCĐKNCT, ngày 11 tháng 10 năm 2022.

**2. Trịnh Quang T**, sinh năm 1994 tại Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn T, xã Cư D, huyện Cư M', tỉnh Đắk Lắk; Nơi tạm trú: 20/70, khu phố 9, phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trịnh Quang H, sinh năm 1965 và bà Trần Thị H1, sinh năm 1968; Chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và chuyển tạm giam đến ngày 12 tháng 10 năm 2021 Viện kiểm sát hủy bỏ biện pháp tạm giam. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 983/QĐCĐKNCT, ngày 11 tháng 10 năm 2022.

*Các bị cáo tại ngoại (có mặt).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3 năm 2020, thông qua Nguyễn Trọng D (bạn của S, sinh năm 1988 tại phường P, thành phố B). Nguyễn Thanh S gặp và quen biết người đàn ông tên H2 (tên gọi khác là T2, chưa rõ nhân thân, lai lịch). Biết S có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên H2 rủ rê, lôi kéo S cùng tham gia làm giả các loại giấy tờ cho H2 và các đối tượng (chưa rõ lai lịch chung nhóm với H2) theo đặt hàng của những người có nhu cầu, H2 sẽ trả cho Sang 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/tháng thì S đồng ý.

Theo sự chỉ đạo của H2, S đứng tên thuê căn nhà không số thuộc tổ 61, khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để làm địa điểm làm giấy tờ giả. H2 cung cấp cho S các loại phôi mẫu giấy tờ và lắp đặt tại căn nhà do S thuê nêu trên các thiết bị phục vụ cho việc làm giấy tờ giả gồm: 01 bộ máy vi tính để bàn, 01 laptop, 02 máy in thường, 04 máy in màu các loại, 01 máy ép plastic, 01 máy cắt giấy, 01 máy sấy, 01 máy scanner và 01 máy ép plastic. H2 cài đặt kết nối các máy nêu trên, cài đặt các file trên máy vi tính phục vụ việc chỉnh sửa, cắt dán thông tin và hướng dẫn S cách thức sử dụng các thiết bị nêu trên để làm giả các loại giấy tờ. H2 đưa cho S 01 sim có số thuê bao 0362.874.899, tạo tài khoản Zalo “Sống Giả Tạo” và “Cao Tiến” để liên lạc với H2. H2 sử dụng tài khoản Zalo “Trần Quyết T2” và tự tạo các nhóm trên zalo gồm: Vip.BLX-CMND-CCCD; Vip.Sửa Ảnh; Vip.Caves + Đăng Kiểm; CTV.BLX-CMND; Vip.Ship hàng cod Tý để H2, Sang cùng đồng bọn liên lạc.

Khi có khách hàng cần làm giả các loại giấy tờ thì H2 hoặc các thành viên trong nhóm sẽ gửi hình ảnh, thông tin cá nhân của khách hàng vào nhóm để S làm giả. Do không biết chỉnh sửa ảnh nên S chỉ làm giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Đến khoảng tháng 5 năm 2020, do có nhiều khách hàng có nhu cầu cần làm các loại giấy tờ giả có in ảnh kèm theo như chứng minh nhân dân, căn cước công dân, giấy phép lái xe nên H2 chỉ đạo cho S tìm người giỏi về công nghệ thông tin để thuê tham gia chỉnh sửa ảnh. Lúc này S rủ Nguyễn Quang T cùng tham gia làm giả các loại giấy tờ cho H2 và H2 thỏa thuận trả công cho T

15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng)/tháng, thì T đồng ý tham gia. H2 giao cho S 01 xe mô tô hiệu Honda SH150, biển số: 59P2-883.45 và giao cho T 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen, biển số 61D1-204.67 để làm phương tiện đi lại.

Cách thức làm giả như sau: Sau khi nhận thông tin của khách do H2 và những người trong nhóm đưa. S và T lấy thông tin đó để chỉnh sửa lên các file có sẵn trên máy tính. Sau đó lên mạng tìm mẫu dấu, mẫu chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền ký giấy tờ, tài liệu để nhập thông tin, vẽ chữ ký và chèn mẫu dấu cho phù hợp sau đó in thông tin ra phôi rồi in ra bằng máy in màu.

Quá trình làm giả giấy tờ, S và T thỏa thuận: S có trách nhiệm làm giả các loại giấy chứng nhận đăng ký xe, T làm giả các loại giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân, giấy phép lái xe. Các giấy tờ giả sau khi đã hoàn thiện, S, T giao cho người chạy xe Grab tên Q (không rõ lai lịch, địa chỉ) mang đến bưu điện chuyển cho khách và ghi tên người gửi là “Bảo N” gửi bằng hình thức ship code (tức là nhân viên bưu điện sẽ chuyển bưu phẩm cho khách và thu tiền). Sau đó S đến bưu điện nhận lại tiền giao lại cho H2.

Bằng phương thức và thủ đoạn làm giấy tờ giả như trên:

Khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2020 đến ngày 18 tháng 7 năm 2020, S đã làm giả 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 293263 mang tên Lý Văn S1; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 153672 mang tên Lý Văn Q.

Từ khoảng tháng 5 năm 2020 đến ngày 18 tháng 7 năm 2020, T đã làm giả 01 chứng minh nhân dân số 365861724 mang tên Phùng Văn N; 01 giấy phép lái xe hạng C, mang tên Nguyễn Ngọc T3; 01 chứng chỉ sở cấp mang tên Nguyễn Ngọc T3; 01 giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Lưu Thị L; 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mang tên Lưu Thị L; 01 giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Lương Thị C1; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn H3; 01 giấy phép lái xe mang tên Lã Thị T4.

Ngoài ra, khoảng tháng 6 năm 2020, S và T còn nhận làm giả cho Nguyễn Minh D1 (em họ của S) 01 giấy phép lái xe hạng D mang tên Nguyễn Minh D1, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60A-535.24 và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 60A-535.24 với số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó, S trực tiếp làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe, T làm giả giấy phép lái xe cho D1. Đối với giấy chứng nhận kiểm định, S ghi thông tin, in hoàn thiện giấy còn T là người chỉnh sửa hình ảnh xe ô tô trên giấy chứng nhận kiểm định.

Đến khoảng tháng 7 năm 2020, Đội Cảnh sát giao thông huyện L phát hiện một người đàn ông điều khiển xe ô tô 60A-535.24 đi đến huyện L có nghi vấn sử dụng giấy tờ giả nên tạm giữ 01 giấy đăng ký xe và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 60A-535.24.

Đến ngày 18 tháng 7 năm 2020, H2 thông báo cho S, T biết việc làm giả giấy tờ đang bị Công an theo dõi và S biết thông tin Nguyễn Trọng D (là người làm giấy tờ giả cho H2) bị Cục Cảnh sát điều tra Bộ Công an bắt về hành vi “Làm giả tài liệu của Cơ quan, tổ chức”. Do sợ bị Cơ quan Công an phát hiện, đến ngày 26 tháng 8 năm 2020, Sang đến Phòng Cảnh sát hình sự (PC02) - Công an tỉnh Đồng Nai tự thú khai nhận hành vi phạm tội nêu trên. Sau đó vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa giải quyết theo thẩm quyền. Cùng ngày 26 tháng 8 năm 2020, Trịnh Quang T bị bắt.

Quá trình điều tra Nguyễn Thanh S và Trịnh Quang T đã khai nhận hành vi phạm tội như trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã tiến hành xác minh thu giữ giấy tờ tài liệu mà S, T đã lấy tên “Bảo N” để gửi tại Bưu điện phường T và thu giữ giấy tờ do S làm giả cho D1 bị đội Cảnh sát giao thông Công an huyện L tạm giữ.

**\* Kết quả giám định:**

- Tại bản Kết luận giám định số: 2107/KLGD-PC09, ngày 02 tháng 9 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

1. Hình dấu tròn Phòng Cảnh sát Giao thông, Công an tỉnh Đồng Nai trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) với hình dấu tròn Phòng Cảnh sát Giao thông, Công an tỉnh Đồng Nai trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

2. Chữ ký mang tên Trung tá Trần Trọng T5 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký mang tên Trung tá Trần Trọng T5 trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M) không phải do cùng một người ký ra.

- Tại bản Kết luận giám định số: 2117/KLGD-PC09, ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

Giấy phép lái xe, số 790199764769, hạng D mang họ tên Nguyễn Minh D1, đề ngày 17 tháng 10 năm 2019 (ký hiệu A) Cơ quan điều tra gửi đến giám định là giả.

- Tại bản Kết luận giám định số: 1130/KLGD-PC09, ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

1. 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân, số: 365861724, mang họ tên: Phùng Văn N, đề ngày 10 tháng 01 năm 2019, nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1) là giả.

2. Hình dấu tròn Sở Giao thông vận tải Thành phố Hà Nội trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A2) so với hình dấu tròn Sở Giao thông vận tải Thành phố Hà Nội trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Tại bản Kết luận giám định số: 1059/KLGD-PC09, ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

1. Hình dấu tròn CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM – CÔNG AN TỈNH HÀ GIANG trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 293263, tên chủ xe: Lý Văn S1, biển số đăng ký: 23P1-067.21 đề ngày 02 tháng 4 năm 2016 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với hình dấu tròn CÔNG AN TỈNH HÀ GIANG – PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

2. Hình dấu tròn CÔNG AN TỈNH HÀ GIANG – CÔNG AN HUYỆN M trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 15362, mang tên chủ xe: Lý Văn Q, biển số đăng ký: 23P1-100.01, đề ngày 08 tháng 6 năm 2018 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A2) so với hình dấu tròn CÔNG AN TỈNH HÀ GIANG – CÔNG AN HUYỆN M trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Tại bản Kết luận giám định số: 1109/KLGD-PC09, ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

1. Hình dấu tròn Trung Tâm Đăng Kiểm Xe Cơ Giới 60-04D - Chi Nhánh Công ty TNHH Quốc Tuấn T – TP. B – T. Đồng Nai trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với hình dấu tròn Trung Tâm Đăng Kiểm Xe Cơ Giới 60-04D-Chi Nhánh Công ty TNHH Quốc Tuấn T – TP. B – T. Đồng Nai trên tài liệu nêu ở phần so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

2. Hình dấu tròn Sở Giao Thông Vận Tải Thành Phố Hồ Chí Minh trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A2) so với hình dấu tròn Sở Giao Thông Vận Tải Thành Phố Hồ Chí Minh trên tài liệu nêu ở phần so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

3. Hình dấu tròn Công Ty Bảo Hiểm Đồng Nai Tổng Công Ty Bảo Hiểm Bảo Việt – TP. B – T. Đồng Nai trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A3) so với hình dấu tròn Công Ty Bảo Hiểm Đồng Nai Tổng Công Ty Bảo Hiểm Bảo Việt – TP. B – T. Đồng Nai do cùng một con dấu đóng ra.

4. Chữ ký mang tên Trần Văn H4 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký mang tên Trần Văn H4 trên tài liệu nêu ở phần so sánh (ký hiệu M3) do cùng một người ký ra.

5. 05 (năm) Giấy phép lái xe lần lượt mang số: 710190015459, họ tên: Lương Thị C1, đề ngày 17/11/2019; số: 710190008429, họ tên: Nguyễn Văn H3, đề ngày 17/11/2019; số: 710191517425, họ tên: Lã Thị T4, đề ngày 17/11/2019; số: 720195015459, họ tên: Lưu Thị L, đề ngày 28/12/2019; số 790203244372, họ tên: Nguyễn Ngọc T3, đề ngày 20/3/2020 (ký hiệu từ A4-A8) đều là giả.

Quá trình điều tra xác định Nguyễn Thanh S thu lợi bất chính 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), Trịnh Quang T thu lợi bất chính 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

*\* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 475/2022/HS-ST, ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã quyết định:*

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trịnh Quang T phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh S 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án phạt tù được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 8 năm 2020 đến ngày 12 tháng 10 năm 2021.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Quang T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án phạt tù được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 8 năm 2020 đến ngày 12 tháng 10 năm 2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25 tháng 10 năm 2022, bị cáo S kháng cáo với lý do gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có đơn xin xác nhận nhân thân trong gia đình có ông cố ngoại là liệt sỹ, bà cố ngoại được phong tặng Mẹ Việt Nam anh hùng được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ xác nhận; bị cáo T kháng cáo với lý do gia đình bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B xác nhận, bị cáo đưa ra các tài liệu chứng từ bệnh án của cha, mẹ, gia đình có công với cách mạng. Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được H2 án treo.

*- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trịnh Quang T đã phạm vào tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù, bị cáo Trịnh Quang T 03 (ba) năm tù là phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện. Tại phiên tòa, các bị cáo kháng cáo nhưng chỉ bị cáo T cung cấp thêm tình tiết mới so với cấp sơ thẩm nhưng không đủ cơ sở để giảm nhẹ cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và

xin H2 án treo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên vẫn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối với tình tiết mới của bị cáo T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo không khiếu nại, thắc mắc. Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trịnh Quang T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu cụ thể:

Vào khoảng tháng 3 năm 2020 đến ngày 18 tháng 7 năm 2020, tại nhà không số, tổ 61, khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Nguyễn Thanh S có hành vi làm giả 13 giấy tờ các loại gồm: giấy phép lái xe, giấy chứng nhận đăng ký xe, chứng minh nhân dân, căn cước công dân. Trong đó bị cáo Trịnh Quang T cùng với bị cáo S làm giả 11 giấy tờ. Quá trình làm giả con dấu, tài liệu: bị cáo Nguyễn Thanh S thu lợi bất chính tổng cộng 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), bị cáo Trịnh Quang T thu lợi bất chính tổng cộng 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S và Trịnh Quang T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính về con dấu, tài liệu, ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan, tổ chức, gây mất trật tự trị an xã hội và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực nhận thức, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện thái độ coi thường pháp luật nên cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, để cải tạo, giáo dục các bị cáo nhằm răn đe và phòng ngừa chung. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên đây là các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S với mức án 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù, xử phạt bị cáo Trịnh Quang

T với mức án 03 (ba) năm tù là phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo S cung cấp đơn xin xác nhận gia đình có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo T đưa ra các tài liệu mới như cha, mẹ bị bệnh, gia đình có công với cách mạng, tuy nhiên căn cứ tính chất, mức độ các bị cáo đã thực hiện, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được H2 án treo.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết lại.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trịnh Quang T mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh S và bị cáo Trịnh Quang T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 475/2022/HS-ST, ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trịnh Quang T phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức*”.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thanh S 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án phạt tù được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 8 năm 2020 đến ngày 12 tháng 10 năm 2021;

- Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Quang T 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án phạt tù được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 8 năm 2020 đến ngày 12 tháng 10 năm 2021;

[3] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trịnh Quang T mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- TAND thành phố B (2);
- VKSND thành phố B (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*



- Công an thành phố B (1);
- Chi cục THADS thành phố B (1);
- Phòng HSNV - CA tỉnh Đồng Nai (1);
- Trại tạm giam CA tỉnh Đồng Nai - Bị cáo (2);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, Thẩm phán (8).

**Triệu Thị Huỳnh Hoa**